

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2022/DS-PT
Ngày 12-12-2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữ.

Ông Nguyễn Thiện Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 404/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim L, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 03/3, ấp Bào Dài, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Bà Võ Thụy Kim T, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số 703/8, ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Quý P, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Số 703/8, ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P:

1. Ông Bùi Duy T1, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số 62, đường N, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Văn P1, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Số 62, đường N, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2022).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2022 của nguyên đơn và cũng những lời trình bày như sau:

Bà Võ Thụy Kim T tổ chức chơi hội để các hội viên góp hội trong nhiều năm qua, tạo được sự tin nhiệm của bà con ở xã Thanh Phú Long, nên bà tin tưởng tham gia các dây hội do bà T làm chủ hội từ nhiều năm nay. Bà T là chủ các dây hội từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, mở hội hàng tháng, khi các hội viên hốt hội, bà T hưởng tiền hoa hồng. Cụ thể bà tham gia các dây hội như sau:

- Dây hội 2.000.000 đồng, khai hội ngày 18/02/2022 âm lịch, hội 16 phần, bà đã góp 03 kỳ hội sống, tổng số vốn góp hội là 4.280.000 đồng.

- Dây hội 3.000.000 đồng, khai hội ngày 03/4/2022 âm lịch, hội 16 phần, bà đã góp đến kỳ 02 được số vốn góp hội là 4.500.000 đồng.

- Dây hội 2.000.000 đồng, bà tham gia 02 phần, khai hội ngày 15/9/2020 âm lịch, hội 21 phần, bà góp được 20 kỳ được tổng cộng 55.380.000 đồng.

Bà T còn nợ lại số hội cũ là 18.500.000 đồng.

Tổng số tiền vốn bà đã góp hội sống là 82.660.000 đồng, nhưng bà T tính lại chỉ còn nợ bà số tiền 65.870.000 đồng, bà chấp nhận.

Ông Trần Quý P là chồng của bà T cùng làm chủ hội với bà T, những dây hội đã mãi ông P đã trực tiếp nhận tiền góp hội của bà và các hội viên khác. Bà T và ông P là vợ chồng cùng làm ăn chung nên bà yêu cầu bà T và ông P phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà số nợ vốn góp hội tổng cộng là 65.870.000 đồng trong thời gian ngắn, không yêu cầu tính lãi.

- *Bà Võ Thụy Kim T là bị đơn tại biên bản hòa giải ngày 19/8/2022 trình bày:* Bà có tổ chức chơi hội và còn thiếu nợ vốn góp hội của bà Trần Thị Kim L số tiền 65.870.000 đồng. Việc chơi hội là do cá nhân bà tự tổ chức chơi để phục vụ cho mục đích cá nhân. Do bà phải đóng choàng phần của các hội viên khác nên không còn khả năng chi trả. Nay bà đồng ý trả số nợ trên cho bà L nhưng xin trả dần khi có điều kiện mà không xác định thời hạn trả.

- *Ông Lê Văn P1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quý P có đơn trình bày ý kiến:* Ông P và bà T là vợ chồng, nhưng việc góp hội của bà T với nguyên đơn thì ông P hoàn toàn không biết, việc góp hội là việc cá nhân của bà T không nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình, không tạo ra bất kỳ tài sản nào trong thời gian bà T chơi hội. Khi việc bề hội mọi người tìm đến nhà đòi thì ông P mới biết. Vì vậy, bà T phải chịu trách nhiệm và ông P không chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà T hoàn trả tiền cho nguyên đơn.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ, họ, họ, họ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hội của bà Trần Thị Kim L đối với bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P.

Buộc bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ vốn góp hội cho bà Trần Thị Kim L số tiền 65.870.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.293.500 đồng. Bà Trần Thị Kim L không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 2.066.000 đồng, theo biên lai thu số 0007965 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, đại diện ủy quyền của ông P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu liên đới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của ông phúc xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn bà L trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông P, việc bà T làm chủ hội ông P biết, bà T làm chủ hội trong thời gian dài và bà T ông P có kinh doanh làm ăn chung nên ông P vẫn có nghĩa vụ liên đới.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Ông P kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà T tổ chức chơi hụi trong thời kỳ hôn nhân, từ lúc chơi hụi đến khi vỡ hụi trong thời gian dài tại nhà bà T và ông P; ông P có trực tiếp nhận tiền của hụi viên nên ông P trình bày không biết bà T làm chủ hụi là không có cơ sở chấp nhận. Ông P trình bày ông và bà T làm ăn riêng, tuy nhiên hụi viên cung cấp hình ảnh bảng hiệu cửa hàng thuốc thú y “P T” thể hiện có sự làm ăn chung. Do đó, bà L yêu cầu bà T và ông P liên đới thanh toán nợ cho bà L số tiền 65.870.000 đồng là phù hợp với các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 14, 18 Nghị định 19/2014/ND0-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phường nên được xem xét chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông P. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông P kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục P thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của ông P về một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng:

[3.1] Bà L và bà T khai thống nhất về số tiền vốn góp hụi, hiện nay bà T còn thiếu bà L tổng cộng là 65.870.000 đồng; bà T thừa nhận còn thiếu nợ vốn góp hụi của bà L và đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần nhưng bà L đồng ý nên không được chấp nhận. Nên Tòa sơ thẩm buộc bà T trả cho bà L số tiền nợ hụi 65.870.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Ông P là chồng của bà T không đồng ý liên đới vì cho rằng ông không biết việc bà T tổ chức chơi hụi, việc tổ chức chơi hụi là việc của cá nhân bà T không nhằm mục đích sinh hoạt chung cho gia đình, nên ông không có trách nhiệm liên đới. Xét thấy, việc bà T tổ chức chơi hụi với các hụi viên là trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông P, việc bà T tổ chức chơi hụi đến khi vỡ hụi diễn ra trong một thời gian dài tại nhà của ông P, bà T; ông P có trực tiếp nhận tiền góp hụi của các hụi viên nên việc ông P khai không biết việc bà T tổ chức chơi hụi là không có cơ sở chấp nhận. Ông P, bà T có lời trình bày hai người làm ăn riêng, kinh tế độc lập nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, trong khi đó nguyên đơn cung cấp hình ảnh bảng hiệu cửa hàng thuốc thú y “P T” để chứng minh ông P,

bà T cùng kinh doanh. Do đó bà L yêu cầu bà T và ông P phải liên đới thanh toán nợ hụi cho bà L số tiền 65.870.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ. Ông P kháng cáo không cung cấp chứng cứ nào khác. Vì vậy, kháng cáo của ông P không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của ông P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Lờì đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quý P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 471, 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi của bà Trần Thị Kim L đối với bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P.

1. Buộc bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ vốn góp hụi cho bà Trần Thị Kim L số tiền 65.870.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P phải liên đới chịu là 3.293.500 đồng (ba triệu hai trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng). Bà Trần Thị Kim L không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Kim L đã nộp là 2.066.000 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), theo biên lai thu số 0007965 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Quý P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trần Quý P đã nộp theo biên lai thu số 0008089 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyên